

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TRÀ MY
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2017

V/v : “*Ly hôn, chia tài sản
chung và nuôi con chung*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Đại**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông **Nguyễn Văn Nam**.

+ Bà **Đậu Thị Luyện**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng Chi**- *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.*

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Ông **Hồ Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 17 và 18 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp “*Ly hôn, chia tài sản chung và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Huỳnh D**, sinh năm 1979.

Trú quán: thôn 1, Trà Mai, Nam Trà My, Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kiều O**, sinh năm 1984.

Trú quán: tổ Trung Thị, thị trấn Trà My, Bắc Trà My, Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Huỳnh Tấn S**, sinh năm 1952.

Trú quán: tổ Đồng Bàu, thị trấn Trà My, Bắc Trà My, Quảng Nam.

Ông S vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2/ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Trụ sở: Số 02, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật có ông **Trịnh Triệu K**- Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền lại có ông **Nguyễn Văn B**- Chức vụ: Phó giám đốc

chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Bắc Trà My.

(Giấy ủy quyền ngày 16 tháng 8 năm 2017), ông Bình có mặt ngày 16 tháng 8 năm 2017, xin vắng mặt ngày 17 và ngày 18 tháng 8 năm 2017.

3/ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn- Hà Nội.

Trụ sở: 77, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật có ông Nguyễn Văn L- Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền lại có anh Nguyễn Tấn S- Chức vụ: cán bộ tín dụng Ngân hàng SHB.

(Giấy ủy quyền ngày 15 tháng 8 năm 2017), anh S có mặt ngày 16 tháng 8 năm 2017 (xin vắng mặt ngày 17 và 18 tháng 8 năm 2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Huỳnh D trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Kiều O tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Trà My, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam theo giấy đăng ký kết hôn số 27 ngày 29/4/2008. Việc hôn nhân của anh chị là tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sau đó chị O lập Zalo, facebook nói xấu anh và chị O cũng đã đưa đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó xin rút đơn. Thực tế, anh và chị O đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Do vợ chồng mâu thuẫn nên anh đã cắt hộ khẩu lên thôn 1, Trà Mai, Nam Trà My, Quảng Nam để sinh sống và công tác. Nay, anh D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết để anh được ly hôn với chị O.

Về con chung: Có 02 cháu tên Huỳnh Hoàng H sinh ngày 20/10/2008 và Huỳnh Hoàng Hh, sinh ngày 14/3/2013.

Anh D đề nghị Tòa án cho anh được nuôi cháu Huỳnh Hoàng H, còn cháu Huỳnh Hoàng Hh giao cho chị O nuôi dưỡng. Các bên không pH cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

1/ Ngôi nhà cấp 4, được xây dựng vào tháng 5 năm 2012 trên diện tích đất của ông Huỳnh Tấn S là cha ruột anh D. Toạ lạc tại: tổ Trung Thị, thị trấn Trà My, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam, trị giá là 165.480.000 đồng (*một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng*).

2/ 01 chiếc xe ô tô biển số 92A- 004.52 nhãn hiệu NISSAN, màu S trắng, số máy MR18073818R, số khung 08ANBH000596. Đăng ký lần đầu ngày 23/8/2011, đứng tên anh Huỳnh D, có giá trị là 280.000.000 đồng (*hai trăm tám mươi triệu đồng*).

3/ 01 chiếc xe Mô tô Hon da, hiệu Vision, màu trắng, biển số: 92V1-056.92 đứng tên bà Nguyễn Thị Kiều O; đăng ký lần đầu vào ngày 05 tháng 01 năm 2016, trị giá là 25.650.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng y*).

Nguyễn vọng của anh D được nhận chiếc xe ô tô, giao cho chị O chiếc xe mô tô, anh sẽ trả tiền 02 Ngân hàng.

Về nợ chung: Vợ chồng nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Bắc Trà My (sau đây gọi là Ngân hàng nông nghiệp) số tiền là 91.000.000 đồng và nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Hà Nội, chi nhánh Quảng Nam (sau đây gọi là Ngân hàng SHB) số tiền là 114.569.000 đồng.

Ngoài ra, anh D không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều O, trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn như anh D trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D ngoại tình, không chăm lo gia đình. Thực tế hai người không sống chung với nhau cách đây hơn 02 năm. Nên tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị thống nhất ly hôn.

Về con chung: Như anh D trình bày là đúng. Chị O muốn được nuôi cháu Huỳnh Hoàng Hh, còn cháu Huỳnh Hoàng H đã trên 07 tuổi nên cần hỏi ý kiến của cháu H, nếu cháu ở với ai thì giao cho người đó. Thực tế chị O đã chăm sóc hai cháu từ nhỏ đến nay nên mong Tòa án giao cả hai cháu cho chị O được chăm sóc, còn việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị thống nhất chỉ nhận 01 chiếc xe máy visson, còn anh D nhận chiếc ô tô và có trách nhiệm trả nợ các Ngân hàng. Ông S có trách nhiệm thối trả cho chị 50.000.000 đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng chị O có nợ hai Ngân hàng như lời anh D trình bày là đúng.

Ngoài ra, chị O không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng SHB anh S trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên, nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì bên cho vay có quyền thu hồi vốn trước thời hạn. Thực tế từ đầu năm 2017 đến nay vợ chồng anh D không trả nợ và lãi suất cho Ngân hàng nên đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh D trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng các bên ký kết.

Đại diện Ngân hàng nông nghiệp ông Nguyễn Văn B trình bày:

Từ khi vay của Ngân hàng đến nay, anh D và chị O thanh toán đầy đủ và đúng hạn nên Ngân hàng không có yêu cầu gì.

Ông Huỳnh Tấn S trình bày: Việc tôi cho Huỳnh D (con trai tôi) và Nguyễn Thị Kiều O (con dâu) ở tạm ngôi nhà của tôi tại tổ Trung Thị, thị trấn Trà My, Bắc Trà My, Quảng Nam là đúng. Tôi thấy ngôi nhà đã xuống cấp trầm trọng nhưng vì

chỗ cha con, tôi sẽ thôi trả cho chị O và anh D mỗi người 50.000.000 đồng. Ngoài ra, ông S không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam phát biểu về phần thủ tục và nội dung vụ án như sau:

Về phần thủ tục, Tòa án đã tuân thủ đúng, đầy đủ các thủ tục theo luật định như thông báo thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải theo quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh D, cho chị O và anh D được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Hoàng Hh cho chị O chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu Huỳnh Hoàng H thì theo nguyện vọng của cháu H.

Về nợ chung, tài sản chung: Theo như anh D và chị O trình bày giao anh D chiếc xe ô tô và anh D có trách nhiệm trả nợ cho các Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị Kiều O có hộ khẩu thường trú tại tổ Trung Thị, thị trấn Trà My, Bắc Trà My, Quảng Nam nên theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án xin ly hôn giữa anh D và chị O thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

+ Về trình tự giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My theo đúng thời hạn luật định. Đồng thời, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tiếp theo như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự; quyết định đưa vụ án ra xét xử... Nên về phần thủ tục Tòa án đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Anh Huỳnh D và chị Nguyễn Thị Kiều O tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Trà My theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27 ngày 29/4/2008. Nên hôn nhân giữa anh D và chị O là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Thực tế anh D và chị O không chung sống với nhau hơn 02 năm nay. Do đó, tình cảm vợ chồng của anh D và chị O thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho anh D và chị O ly hôn là đúng pháp luật.

+ Về con chung: Vợ chồng anh D có 02 cháu con chung tên là Huỳnh Hoàng H, sinh năm 2008 và cháu Huỳnh Hoàng Hh, sinh năm 2013. Tại phiên tòa,

anh D đề nghị giao cháu Huỳnh Hoàng H cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Huỳnh Hoàng H. Còn cháu Huỳnh Hoàng Hh còn nhỏ, là con gái nên giao cho chị O chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bởi, anh D và chị O đều có nghề nghiệp và có lương ổn định nên giao cho mỗi người nuôi dưỡng một cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung:

Tại phiên tòa các bên tự thỏa thuận về giải quyết tài sản chung, nợ chung như sau: Anh D nhận chiếc xe ô tô biển số 92A- 004.52 nhãn hiệu NISSAN, màu S trắng và có trách nhiệm trả nợ cho các Ngân hàng. Còn chị O nhận chiếc xe mô tô Hon da, hiệu Vision, màu trắng, biển số: 92V1-056.92 và nhận 50.000.000 đồng do ông S thối trả từ tiền ngôi nhà chung gắn liền với đất của ông S. Anh D không nhận 50.000.000 đồng tiền ông S thối trả từ ngôi nhà chung. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không trái pháp luật nên căn cứ Điều 59, 61 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a, b, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì chị O được nhận giá trị tài sản là 50.000.000 đ + 25.650.000 đ = 75.650.000 đồng tương ứng số tiền án phí là 3.778.000 đồng. Anh D nhận giá trị tài sản sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ là 280.000.000 đồng – 114.569.000 đ và 91.000.000 đ, còn lại được hưởng là 74.431.000 đồng tương ứng số tiền án phí là 3.721.000 đồng (ba triệu, bảy trăm hai mươi một ngàn đồng). Số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm của anh D được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 006895 ngày 04 tháng 01 năm 2017. Anh D còn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 100.000 đồng và tiền án phí chia tài sản chung là 3.721.000 đồng, tổng cộng là 3.821.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 56, Điều 59, Điều 61, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, b, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Huỳnh D và chị Nguyễn Thị Kiều O ly hôn.
2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Huỳnh Hoàng H cho anh Huỳnh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H trưởng thành.

2.2. Giao cháu Huỳnh Hoàng Hh cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hh trưởng thành.

Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền đi lại để thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về nợ chung:

Anh Huỳnh D có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn- Hà Nội, chi nhánh Quảng Nam số tiền 114.569.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay và Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Bắc Trà My số tiền là 91.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

4. Về tài sản chung: Anh Huỳnh D nhận chiếc xe ô tô biển số 92A- 004.52 nhãn hiệu NISSAN, màu S trắng, số máy MR18073818R, số khung 08ANBH000596; đăng ký lần đầu ngày 23/8/2011, đứng tên anh Huỳnh D. Còn chị Nguyễn Thị Kiều O nhận chiếc xe mô tô Hon da, hiệu Vision, màu trắng, biển số: 92V1-056.92, đứng tên chị Nguyễn Thị Kiều O; đăng ký lần đầu vào ngày 05 tháng 01 năm 2016 và nhận 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) do ông Huỳnh Tấn S thôi trả từ tiền ngôi nhà chung của vợ chồng gắn liền với đất của ông S.

5. Về án phí: Anh Huỳnh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Và án phí chia tài sản chung là 3.721.000 đồng. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm của anh D được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My theo biên lai thu số 006895 ngày 04 tháng 01 năm 2017. Anh D còn phải chịu là 100.000 đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 3.721.000 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng cộng tiền án phí anh D phải chịu là 3.821.000 đồng (ba triệu, tám trăm hai mươi một ngàn đồng). Chị O phải chịu 3.778.000 đồng (ba triệu, bảy trăm, bảy mươi tám ngàn đồng) án phí chia tài sản chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát Bắc Trà My;
- Chi cục thi hành án huyện;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND thị trấn Trà My;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đại